

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2022.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thanh Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm N, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm N, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Số 62, đường K, thị trấn Đ, thành phố Đ, tỉnh Q, nước X.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị T được tự nguyện tìm hiểu, đến tháng 12 năm 1995 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố T trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại xóm N, xã P, thành phố T và có với nhau ba người con. Đến năm 2017 do tình hình kinh tế khó khăn, bà T đi sang xuất khẩu lao động tại Đài Loan mặc dù ông không đồng ý. Từ khi đi đến nay bà T ít liên lạc về cho ông, cũng không gửi tiền về cho ông chăm sóc các

con. Bản thân ông cũng cố gắng liên hệ với bà T nhưng không được. Hiện nay xác định vợ chồng không còn tình cảm nên ông có nguyện vọng được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Con thứ nhất là Lê Thị H1, sinh ngày 04/3/1997; Con thứ hai là Lê Thị T1, sinh ngày 29/4/1999 và con thứ ba là Lê Xuân D, sinh ngày 9/9/2003. Hiện cả ba con đều đã trưởng thành nên ông không đề nghị gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày quan điểm cá nhân của bà Hoàng Thị T gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, bà T có quan điểm: Về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của ông H. Về mâu thuẫn vợ chồng bà xác định năm 2017 bà có sang nước X để làm việc, kiếm thêm thu nhập. Thời gian đầu vợ chồng cũng có liên hệ, nhưng dần dần do vợ chồng ở xa nhau nên ít liên lạc hơn. Mấy năm gần đây vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay được biết ông H xin ly hôn, bà T nhất trí.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 3 con chung như ông H đã khai là đúng. Các con đều đã trưởng thành nên bà không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà T yêu cầu vợ chồng được tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do bà T đang ở nước ngoài nên bà không thể về Việt Nam trực tiếp giải quyết việc ly hôn với ông H được, bà có đề nghị xem xét giải quyết vắng mặt bà trong các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, cho ông H được ly hôn với bà T. Con chung: Đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết. Ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do bị đơn là người Việt Nam hiện đang lao động xuất khẩu tại nước X, có địa chỉ cụ thể tại Số 62, đường K, thị trấn Đ, thành phố Đ, tỉnh Q, nước X và toàn bộ văn bản bị đơn gửi về Tòa án đều có xác nhận của Ủy ban khu dân cư H, xã K, thị trấn Đ, thành phố Đ, nước X.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn hiện đang nước ngoài có địa chỉ cụ thể, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207

Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có văn bản trình bày quan điểm gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa ông Lê Văn H và bà Hoàng Thị T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố T là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do khoảng cách địa lý xa nhau, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Hiện nay ông H và bà T đều xác định cả hai không còn yêu thương, quan tâm nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và ông H có nguyện vọng ly hôn với bà T. Trong văn bản thể hiện quan điểm bà T cũng hoàn toàn nhất trí ly hôn với ông H.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn H, cho ông H được ly hôn với bà T là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông H và bà T đều xác định vợ chồng có 03 con chung. Con thứ nhất là Lê Thị H1, sinh ngày 04/3/1997; Con thứ hai là Lê Thị T1, sinh ngày 29/4/1999; con thứ ba là Lê Xuân D, sinh ngày 9/9/2003. Hiện cả ba con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại bản tự khai bà T thể hiện ý kiến, quan điểm của mình cũng xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

Án phí: Ông H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Văn H đối với bà Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn H được ly hôn với bà Hoàng Thị T.

2. Về con chung: Con thứ nhất là Lê Thị H1, sinh ngày 04/3/1997; Con thứ hai là Lê Thị T1, sinh ngày 29/4/1999 và con thứ ba là Lê Xuân D, sinh ngày 9/9/2003. Hiện cả ba con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không giải quyết.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000112 ngày 16/5/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Ông Lê Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Tân Cương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy